TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/DS-ST
Ngày 12 tháng 3 năm 2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Lê Tuấn Kiệt**

- Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồng Thị Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Trần Mỹ Linh -** Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 253/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán*”*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh ngày 18/4/1981,

Là người đại diện Hộ kinh doanh Đ,

Địa chỉ: Số D, đường N, phường B, tỉnh Cà Mau,

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Quốc A, sinh ngày 26/5/2002

Địa chỉ: Ấp N, xã N, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Kim C, sinh năm 1982

Bà Thái Thị Mộng L, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Khóm X, phường H, tỉnh Cà Mau.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 12/6/2020 ông Nguyễn Quang T (Hộ kinh doanh Đại lý Đ) có ký hợp đồng bán thức ăn tôm và các loại thuốc thuốc thủy sản cho ông Nguyễn Kim C, bà Thái Thị Mộng L. Phương thức thanh toán là ông T bán thức ăn cho tôm cho ông C, bà L đến cuối vụ thì thanh toán dứt điểm công nợ cho ông T.

Nhưng đến cuối vụ ông C, bà L không thanh toán hết công nợ cho ông T.

Tính đến ngày 31/3/2021 ông C, bà L còn nợ ông T số tiền là 472.476.000 đồng. Ông C đã ký vào bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 31/3/2021.

Ông Nguyễn Quang T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Kim C, bà Thái Thị Mộng L phải thanh toán cho ông số tiền còn nợ khi mua thức ăn, thuốc thủy sản là 647.068.000 đồng (trong đó nợ gốc 472.476.000 đồng, nợ tiền lãi chậm trả 10%/ năm, tạm tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày 15/9/2025 là 170.592.000 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Kim C trình bày:

Ngày 12/6/2020 ông Nguyễn Quang T (Hộ kinh doanh Đại lý Đ) có ký hợp đồng bán thức ăn tôm và các loại thuốc thuốc thủy sản cho vợ chồng ông và bà Thái Thị Mộng L. Phương thức thanh toán là ông T bán thức ăn cho tôm đến khi thu hoạch tôm thì thanh toán dứt điểm công nợ cho ông T.

Tính đến ngày 31/3/2021 vợ chồng ông còn nợ ông T số tiền là 472.476.000 đồng. Ông C đã ký vào bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 31/3/2021. Do có khó khăn về kinh tế, nuôi tôm thua lỗ nên chưa trả được số tiền nợ này.

Về số tiền nợ gốc 472.476.000 đồng, ông C thừa nhận có nợ và đồng ý sẽ trả khi có tiền. Đối với lãi chậm trả ông C không đồng ý trả, khi mua thức ăn, phía ông T đã tính giá bán cao lên so với mua trả tiền ngay (người mua trả tiền ngay thì giá thấp hơn, nếu mua đợi đến cuối vụ mới trả thì giá bán cao hơn).

Bị đơn bà Thái Thị Mộng L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 430, 440, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, Nghị Quyết 326 của Quốc Hội, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Quang T – Hộ kinh doanh đại lý Đ. Buộc ông Nguyễn Kim C, bà Thái Thị Mộng L trả cho ông Nguyễn Quang T – Hộ kinh doanh đại lý Đ số tiền là 662.778.833 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 472.476.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày xét xử 12/3/2026 là 190.302.833 đồng.

Về án phí: Ông Nguyễn Kim C, bà Thái Thị Mộng L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào ý kiến của các đương sự; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Quang T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Kim C, bà Thái Thị Mộng L trả số tiền mua thức ăn tôm còn nợ, nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Kim C, bà Thái Thị Mộng L có nơi cư trú tại phường H, tỉnh Cà Mau. Do đó vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn:

[4.1] Ông Nguyễn Quang T xác định ngày 12/6/2020 ông Nguyễn Quang T có ký hợp đồng bán thức ăn tôm và các loại thuốc thuốc thủy sản cho ông Nguyễn Kim C, bà Thái Thị Mộng L. Theo hợp đồng thể hiện phương thức thanh toán là đến khi thu hoạch tôm thì thanh toán dứt điểm công nợ cho ông T. Sau khi thu hoạch tôm, ông C, bà L không thanh toán dứt điểm nợ cho ông T. Nên ngày 31/3/2021 ông C đã ký vào bản cam kết thanh toán, còn nợ ông T số tiền là 472.476.000 đồng, đến nay ông C, bà L chưa trả được khoản tiền nào.

Ông Nguyễn Kim C cũng thừa nhận hiện còn nợ ông T số tiền là 472.476.000 đồng.

[4.2] Căn cứ Điều 401, Điều 430 Bộ luật Dân sự, hợp đồng mua bán có hiệu lực từ thời điểm giao kết, việc mua bán giữa ông T và ông C, bà L là phù hợp quy định pháp luật.

[4.3] Cho nên, ông T yêu cầu ông C, bà L trả số nợ gốc là 472.476.000 đồng, có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi:

[5.1] Ông Nguyễn Quang T yêu cầu ông Nguyễn Kim C, bà Thái Thị Mộng L trả tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 01/02/2022 đến khi thanh toán xong nợ. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền, bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn được quy định trong hợp đồng; Bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả, nếu các bên không thỏa thuận được lãi suất thì lãi suất được tính là 10%/năm. Theo hợp đồng mua bán ngày 12/6/2020 thể hiện bên mua phải thanh toán tiền công nợ cho bên bán vào cuối vụ tôm; Cuối vụ tôm bên mua không thanh toán cho bên bán thì bên bán tiến hành cắt hàng, tại thời điểm cắt hàng được xem là hết thời hạn thanh toán. Nguyên đơn xác định đến cuối vụ tôm nhưng ông C, bà L không thanh toán tiền cho ông T, nên giữa ông T và ông C, bà L đã đối chiếu công nợ vào ngày 31/3/2021, từ sau đó hai bên không thực hiện giao dịch mua bán nữa. Cho nên, yêu cầu về tiền lãi của ông T là có căn cứ chấp nhận. Tiền lãi tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày xét xử ngày 12/3/2026 là 04 năm 01 tháng 11 ngày, thành tiền là 194.371.373 đồng.

[5.2] Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Kim C, bà Thái Thị Mộng L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Điều 401; Điều 430; Điều 440 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T đối với ông Nguyễn Kim C, bà Thái Thị Mộng L.

2. Buộc ông Nguyễn Kim C, bà Thái Thị Mộng L có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Quang T số tiền là 666.847.373 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 472.476.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày xét xử ngày 12/3/2026 là 194.371.373 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Nguyễn Kim C, bà Thái Thị Mộng L phải nộp là 30.673.895 đồng.

Ông Nguyễn Quang T không phải chịu án phí. Ông T đã nộp tạm ứng án phí 11.450.000 đồng theo biên lai số 0002623 ngày 20 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được hoàn lại.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hồng Lam

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.